

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 3600 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai
theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh Quảng Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Xét đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh tại Tờ trình số 130/TTr-BCHPCTT&TKCN-VPTT ngày 28/9/2016 về việc phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 28

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ Trung ương về PCTT;
- UBQG Tìm kiếm cứu nạn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Cục Phòng, chống thiên tai;
- Chi cục PCTT khu vực MT&TN;
- CPVP;
- Lưu: VT, NC, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN NHÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 17/10/2016
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Phần I

TÌNH HÌNH CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Quảng Nam là tỉnh duyên hải Miền Trung Việt Nam, có vị trí địa lý từ 14°57'10" đến 16°03'50" Vĩ độ Bắc và 107°12'50" đến 108°44'20" Kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Thừa thiên – Huế và thành phố Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Xê Koong (Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), phía Đông giáp biển Đông. Dân số toàn tỉnh 1.427.000 người, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển.

2. Điều kiện địa hình, địa mạo

Địa hình Quảng Nam nghiêng dần từ Tây sang Đông, căn cứ vào các đặc điểm chung, có thể phân ra 03 vùng địa hình như sau:

- Địa hình vùng núi: Có độ cao trung bình từ 700 đến 800m, hướng thấp dần từ Tây sang Đông; bao gồm 6 huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My.

- Địa hình vùng gò đồi, trung du: Là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển, độ cao trung bình từ 100 đến 200m; bao gồm các huyện: Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Đại Lộc.

- Vùng đồng bằng ven biển: Là dạng địa hình tương đối bằng phẳng, ít biến đổi, có độ cao dưới 30m gồm những dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông và vùng cồn cát, bãi cát ven biển; bao gồm 06 huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An.

3. Mạng lưới sông ngòi

Tỉnh Quảng Nam có 02 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và hệ thống sông Tam Kỳ.

- Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn được hình thành từ 02 sông chính là Vu Gia và Thu Bồn, với diện tích lưu vực 10.350km² (kể cả phần lưu vực nằm trên tỉnh Kon Tum và thành phố Đà Nẵng). Hệ thống sông này đổ ra cửa Hàn (thành phố Đà Nẵng) và Cửa Đại (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam). Trên vùng thượng nguồn, đã có quy hoạch 42 dự án thủy điện (10 dự án thuộc quy hoạch bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, 32 dự án thủy điện vừa và nhỏ), với tổng công suất 1.583,36 MW, tổng lượng điện bình quân là 6.254 tỷ kWh/năm. Tính đến thời điểm hiện nay, có 17 dự án đã phát điện, 09 dự án đang triển khai xây dựng, 16 dự án đang rà soát lại dự án đầu tư theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Sông Tam Kỳ, có hai nhánh chính là nhánh sông Tam Kỳ và nhánh sông Bàn

Thạch, diện tích lưu vực khoảng 1.040km², sông chính dài 70 km, chảy ra biển tại Cửa Lở thuộc huyện Núi Thành. Phía thượng nguồn của sông Tam Kỳ có hồ chứa nước Phú Ninh chiếm lưu vực 235 km².

- Ngoài 2 hệ thống sông chính nói trên, dọc theo bờ biển còn có sông Trường Giang, đây là sông tiêu thoát lũ ở khu vực vùng đồng bằng, nối liền sông Thu Bồn và Sông Tam Kỳ với chiều dài khoảng 70 km.

4. Khí hậu

Quảng Nam có lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.580 mm. Vị trí địa lý, điều kiện địa hình, cùng với những thay đổi phức tạp của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa đã tạo nên khí hậu Quảng Nam có 02 mùa rõ rệt trong năm:

- Mùa khô: Từ tháng 1 đến tháng 8, có lượng mưa chiếm 20 đến 25% lượng mưa trung bình năm, thường xảy ra hạn hán, nắng nóng, đông tố, lốc, sét và xâm nhập mặn.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 75 đến 80% lượng mưa trung bình cả năm và thường gây ra lũ, lụt.

II. TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tình hình thiên tai từ năm 1997 đến nay

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Quảng Nam là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, lũ lụt, đông sét, lốc tố, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất...

a) Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)

Bão và ATNĐ ở Quảng Nam thường xảy ra trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7, tập trung chủ yếu vào tháng 10 và tháng 11. Các cơn bão và ATNĐ thường đi kèm với mưa to. Vì vậy, ngoài việc xuất hiện gió xoáy, trên đất liền còn bị ảnh hưởng của lũ lụt.

Qua thống kê, từ năm 1997 đến 2015 trên biển Đông xuất hiện 235 cơn bão và ATNĐ, trong đó có 27 cơn bão và 12 ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Nam; đặc biệt cơn bão số 6 có tên Quốc tế là Sang Sane và cơn bão số 9 có tên Quốc tế là Ketsana, đổ bộ trực tiếp vào Quảng Nam gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản của Nhà nước và nhân dân.

b) Lũ, lụt

Từ tháng 9 đến tháng 12 hàng năm là thời kỳ mưa lũ ở Quảng Nam, mưa lớn tập trung từ trung tuần tháng 10 đến thượng tuần tháng 12. Có 03 loại hình thời tiết gây mưa lũ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, đó là:

- Khi có bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền hoặc ảnh hưởng trực tiếp như di chuyển dọc theo bờ biển, hoặc đổ bộ vào phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đi kèm với bão thường có các đợt mưa to trước và sau bão, ATNĐ;

- Khi có gió mùa Đông - Bắc cường độ mạnh tràn về kết hợp với hoàn lưu của bão, ATNĐ. Đây là hình thái thời tiết có xu thế gây mưa to, lũ lớn trên đất liền;

- Khi dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở phía Nam biển Đông, đồng thời ở phía Bắc có gió mùa hoặc tín phong Đông Bắc hoạt động và di chuyển xuống phía Nam. Hình thái thời tiết này thường gây ra mưa lớn, kéo dài nhiều ngày.

Các cơn lũ lớn điển hình năm 1964, 1999, 2007, 2009 trên địa bàn tỉnh đều do

các hình thái kết hợp nêu trên gây ra.

c) Lũ quét

Hàng năm, lũ quét gây ra sạt lở núi và xói lở đất vùng ven sông, suối diễn ra khá phức tạp, nhất là ở các huyện vùng núi, trung du có độ dốc sông, suối lớn. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa có cường suất cao, lũ quét xuất hiện ngày càng nhiều với mức độ khác nhau. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng sức tàn phá lớn và gây ra những tổn thương nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân ở khu vực ven các sông, suối.

d) Sạt lở bờ sông, bờ biển

- Sạt lở bờ sông: Hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia của tỉnh đều có độ dài ngắn, chảy quanh co khúc khuỷu, độ uốn khúc từ 1,3 đến 2 lần. Do đặc điểm, hàng năm đến mùa lũ lụt, những vị trí bờ lở dọc theo ven bờ sông thường bị sạt lở đất, ăn sâu vào bờ khoảng 10m ÷ 20m, có nơi lớn hơn, làm mất đất sản xuất và hư hỏng, sập đổ nhiều nhà dân và các công trình cơ sở hạ tầng, công trình thủy lợi, trong đó các huyện: Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, thành phố Hội An... bị ảnh hưởng nhiều nhất.

- Sạt lở bờ biển: Quảng Nam có chiều dài bờ biển 125km, hàng năm nhiều vị trí bờ biển bị xâm thực, gây ảnh hưởng mất đất sản xuất và các khu dân cư, khu du lịch ven biển. Qua khảo sát theo dõi từ năm 1996 đến nay, tại khu vực Cửa Đại (thuộc phường Cửa Đại, thành phố Hội An) hiện tượng bồi lấp cửa sông, xói lở bờ biển diễn ra rất phức tạp; tại các xã: Tam Hải, Tam Quang - huyện Núi Thành, Duy Hải - huyện Duy Xuyên; Tam Thanh - thành phố Tam Kỳ... bị sạt lở bờ biển nghiêm trọng do tác động của gió bão, ATNĐ.

e) Sạt lở núi

Khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam có địa mạo, địa chất phức tạp, độ dốc của các sườn núi khá lớn. Khi xuất hiện mưa lớn kéo dài nhiều ngày, cùng với tác động của con người như bạt núi, mở đường, chặt phá rừng, khai thác khoáng sản trái phép... đã gây ra trượt lở đồi núi, sườn dốc nhiều nơi, tập trung chủ yếu ở các địa phương vùng trung du và miền núi.

Do nhiều tác động khác nhau, khi có mưa lũ, tình hình sạt lở núi ngày càng có diễn biến phức tạp gây nhiều thiệt hại về người và tài sản, trong đó một số vụ điển hình về sạt lở núi được thống kê như sau: Tại huyện Phước Sơn vào năm 2004, do mưa lớn đã gây sạt lở núi làm chết 19 người; tại xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh năm 2008 sạt lở núi làm chết 6 người; tại xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My năm 2009 sạt lở núi làm 13 người chết. Ngoài ra, một số nơi khác hiện nay có nguy cơ cao bị sạt lở núi như: Xã Tiên An, Tiên Lộc - huyện Tiên Phước; Aroi - thị trấn Praq; các xã: Tàlu, Sông Côn, Jơ Ngây, Cà Dăng, Ating - huyện Đông Giang. Những khu vực này đã được cảnh báo và có nhiều dự án di dời dân đi đến nơi ở khác.

Theo báo cáo của Viện Địa chất, qua khảo sát sơ bộ trên 850km mặt cắt ngang, dọc những khu vực chính ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam, đã phát hiện có 42 khu vực trượt lở thường xuyên, 17 tuyến trượt lở theo từng tuyến, 68 vị trí trượt lở theo từng điểm.

g) Gió mùa Đông Bắc

Trung bình hàng năm Quảng Nam có 14 đến 15 đợt gió mùa Đông Bắc. Trong thời kỳ đầu, từ tháng 10 đến tháng 12, gió mùa Đông Bắc tràn về thường kết hợp với nhiều động nhiệt đới ở phía Nam biển Đông như bão, ATNĐ, dải hội tụ nhiệt đới... gây ra mưa to kéo dài nhiều ngày sinh ra lũ lụt; trong thời kỳ từ tháng 01 đến tháng 3

năm sau, các đợt gió mùa Đông Bắc tràn về gây ra mưa, nhiệt độ giảm, gió mạnh.

h) Đông, lốc, sét

Đông, lốc, sét xuất hiện nhiều nhất từ tháng 4 đến tháng 9, mỗi tháng có 06 đến 10 đợt dông tố, vùng có nhiều dông tố nhất gồm các huyện ở khu vực trung du, miền núi. Đông, lốc, sét là loại hình thiên tai gần như không thể dự báo trước được, nó thường xảy ra bất ngờ, phạm vi nhỏ nhưng sức tàn phá lớn. Tình hình diễn biến của dông, lốc, sét đang có xu thế xuất hiện bất thường, tăng về số lượng, mạnh về cường độ.

i) Hạn hán và xâm nhập mặn

Tình hình hạn hán và xâm nhập mặn phụ thuộc vào chế độ mưa và dòng chảy mùa khô, tập trung chủ yếu từ tháng 4 đến tháng 7 hằng năm. Với tác động của biến đổi khí hậu, hiện nay lượng mưa trong mùa khô trên địa bàn tỉnh có xu thế thấp hơn trung bình nhiều năm, lại phân bố không đều trong các tháng, gây nên tình trạng hạn hán trong thời kỳ lúa Vụ Đông Xuân và Hè Thu làm đòng, trổ bông; những năm hạn, xâm nhập mặn điển hình trong khoảng 10 năm qua là các năm 2003, 2004, 2010, 2014.

Xâm nhập mặn thường xảy ra khi thời tiết nắng nóng dài ngày, dòng chảy trên các cửa sông chính và sông nhánh bị suy kiệt và khi gặp triều cường, nước mặn xâm nhập sâu vào các cửa sông, có nơi lên đến 20km với độ mặn có lúc lên cao hơn 10‰, trong đó đáng lưu ý nhất là ở trên các sông Vĩnh Điện, Thu Bồn, Tam Kỳ. Xu thế xâm nhập mặn trên các sông ngày có diễn biến tăng và xuất hiện sớm hơn, gây ảnh hưởng cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

Theo báo cáo của các ngành, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh, hằng năm ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn đến khoảng 10.000 ha đến 15.000 ha lúa, màu và trên 10.000ha cây công nghiệp ngắn, dài ngày bị khô hạn; ngoài ra, có khoảng 200.000 người dân bị thiếu nước sinh hoạt.

k) Động đất

Huyện Bắc Trà My, từ sau khi hồ thủy điện sông Tranh 2 tích nước, từ tháng 3/2012 đến tháng 12/2012 đã xuất hiện 75 trận động đất kích thích mà con người có thể cảm nhận được; trong đó đáng chú ý nhất là các trận động đất xảy ra vào ngày 03/9/2012 và ngày 15/11/2012 có độ lớn $M_s = 4,2 - 4,7$ độ Richter, gây rung chuyển nhiều nhà cửa trên phạm vi rộng thuộc các địa phương của huyện Bắc Trà My và các huyện lân cận. Do ảnh hưởng của các trận động đất, trên địa bàn huyện Bắc Trà My đã có hơn 1.777 nhà dân, 32 trụ sở cơ quan, trường học bị nứt nẻ, hư hỏng.

Có thể nói, động đất là loại hình thiên tai mới xuất hiện ở Bắc Trà My, hầu hết người dân chưa hiểu rõ về các kỹ năng, biện pháp phòng, tránh; nhất là trong những năm gần đây, số cơn động đất xảy ra liên tục, đã gây tâm lý bất an trong nhân dân, nhất là khu vực hồ thủy điện Sông Tranh 2, trong đó huyện Bắc Trà My là tâm điểm thường xảy ra các đợt dư chấn.

2. Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1997 đến nay

Theo tổng hợp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, từ năm 1997 đến năm 2015, thiên tai trên địa bàn tỉnh đã làm 726 người chết, 1974 người bị thương, 37.751 nhà bị sập, 543.047 nhà dân bị hư hỏng. Tổng giá trị vật chất bao gồm cơ sở hạ tầng, sản xuất là 11.678 tỷ đồng.

III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Tỉnh Quảng Nam là khu vực có nhiều loại hình thiên tai nhất và diễn ra thường xuyên; cơ sở hạ tầng của tỉnh còn rất nghèo nàn. Số nhà tạm, nhà không kiên cố, bán

kiên cố chiếm tỷ trọng lớn lại nằm trong khu vực có nguy cơ thiệt hại cao khi có bão, lụt xảy ra; đặc biệt là các xã ven biển, các xã nằm trong khu vực trũng, thấp dọc hạ lưu các nhánh sông lớn thuộc hạ du hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ và Trường Giang.

Từ năm 1997 đến nay đã có 27 cơn bão, 12 ATNĐ, 97 trận lũ lụt làm hàng trăm người chết, hàng ngàn ngôi nhà bị hư hỏng, nhiều công trình cơ sở hạ tầng bị hư hỏng nặng làm thiệt hại nhiều tỷ đồng.

Theo nhận định của Bộ tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2014 thì trong thời gian tới có nguy cơ xuất hiện các cơn bão có cấp độ từ 12-16 trên biển Đông, trong đó khu vực từ Đà Nẵng đến Bình Định là khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc đổ bộ của những cơn siêu bão cấp 15,16 với nguy cơ nước dâng tổng cộng trong bão có thể lên tới 3,0-3,2m.

Trước tình hình thiên tai trên, việc xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết để có thể chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kế quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam.

V. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả khẩn trương và nhanh chóng.

2. Phòng, chống thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, cá nhân chủ động, cộng đồng giúp nhau.

3. Phòng chống thiên tai được thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

4. Phòng, chống thiên tai phải dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Phòng chống thiên tai được thực hiện theo sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai.

Phần II
NỘI DUNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI
THEO TỪNG CẤP ĐỘ RỦI RO

I. CÁC LOẠI THIÊN TAI THƯỜNG XẢY RA TRÊN ĐỊA TỈNH

1. Đối với ATNĐ, bão:

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của ATNĐ, bão	Khu vực ảnh hưởng
3	<ul style="list-style-type: none"> - ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam. - Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên Biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp: Điện Bàn, Duy Xuyên, Núi Thành, Hội An, Tam Kỳ, Thăng Bình. - Các địa phương bị ảnh hưởng gián tiếp: Đại Lộc, Phú Ninh, Quế Sơn, Nông Sơn, Tiên Phước. - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Bão mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

2. Đối với lốc, sét, mưa đá

Khu vực có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá là bất kỳ khu vực nào trên địa bàn tỉnh, thời gian xảy ra nhiều nhất tập trung từ tháng 4 - 7 hàng năm.

Cấp độ 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra trên địa bàn thôn, xã.

Cấp độ 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra trên địa bàn liên xã.

3. Đối với mưa lớn

Cấp độ 1: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đại Lộc, Nam Giang, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Phú Ninh; lượng mưa trong 24 giờ từ trên 200 mm đến 500 mm, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Thăng Bình, Núi Thành, Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên.

Cấp độ 2: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm, kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày trên địa bàn toàn tỉnh; lượng mưa trong 24 giờ từ trên 200 mm đến 500 mm, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đại Lộc, Nam Giang, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Phú Ninh; lượng mưa trong 24 giờ trên 500 mm, kéo dài từ 1

ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Thăng Bình, Núi Thành, Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên.

Cấp độ 3: Lượng mưa trong 24 giờ từ trên 200 mm đến 500 mm, kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày trên địa bàn toàn tỉnh; lượng mưa trong 24 giờ trên 500 mm, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Quế Sơn, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đại Lộc, Nam Giang, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Phú Ninh.

4. Đối với nắng nóng

Cấp độ 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày lên đến 39°C, 40°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày vượt qua 40°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

Cấp độ 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày lên đến 39°C, 40°C, kéo dài trên 10 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày vượt qua 40°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

Cấp độ 3: Khi xảy ra đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày vượt qua 40°C, kéo dài trên 10 ngày.

5. Đối với hạn hán

Cấp độ 1: Tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng trên 50%, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng trên 50%, kéo dài từ trên 3 tháng đến 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

Cấp độ 2: Tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt tới trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài từ trên 3 tháng đến 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài trên 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

Cấp độ 3: Tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài từ trên 3 tháng đến 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt tới trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài trên 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

Cấp độ 4: Khi xảy ra tình trạng thiếu hụt lượng mưa tháng tới trên 50%, kéo dài trên 6 tháng và nguồn nước trong khu vực hạn hán thiếu hụt tới trên 70% so với trung bình nhiều năm.

6. Đối với lũ, ngập lụt

Sông	Vu Gia	Thu Bồn	Tam Kỳ
Cấp độ 1	BĐ2 - BĐ3	BĐ2 - BĐ3	BĐ2 - BĐ3
Cấp độ 2	BĐ3 + 1m	BĐ3 + 1m	BĐ3 + 1m
Cấp độ 3	BĐ3 + 1m – Lũ lịch sử	BĐ3 + 1m – Lũ lịch sử	BĐ3 + 1m – Lũ lịch sử
Cấp độ 4	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử

- Cấp độ 1: Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến báo động 3 trên các sông: Vu Gia -Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Câu Lâu, Hội An, Tam Kỳ).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ.

- Cấp độ 2: Mức nước lũ cao từ báo động 3 đến trên báo động 3 khoảng 01m trên các sông: Vu Gia -Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Cầu Lâu, Hội An, Tam Kỳ). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ.

- Cấp độ 3: Mức nước lũ cao từ trên báo động 3 khoảng 01m đến mức lũ lịch sử trên các sông: Vu Gia -Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Cầu Lâu, Hội An, Tam Kỳ). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ.

- Cấp độ 4: Mức nước lũ cao trên mức lũ lịch sử trên các sông: Vu Gia -Thu Bồn, Tam Kỳ (tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Cầu Lâu, Hội An, Tam Kỳ). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ.

7. Đối với lũ quét

Cấp độ 1: Lũ quét xảy ra do mưa với lượng mưa từ 200 mm đến 500 mm trong 24 giờ tại một trong các địa phương: Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Phước Sơn.

Cấp độ 2: Lũ quét do mưa với lượng mưa trên 200mm đến 500 mm trong 24 giờ ở các địa phương: Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Phước Sơn.

Cấp độ 3: Khi lũ quét do mưa lớn trên 500 mm trong 24 giờ ở các địa phương: Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang, Phước Sơn.

Rủi ro thiên tai do lũ quét được xem xét xác định ở mức độ rủi ro cao hơn một cấp, đến cấp cao nhất là cấp 4, trong trường hợp tổ hợp tác động của nhiều thiên tai nguy hiểm khác như mưa rất to kéo dài, sạt lở đất trên diện rộng ở khu vực xảy ra lũ quét.

8. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do dòng chảy hoặc mưa lớn:

Khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng được xác định là tập trung tại các địa phương miền núi và vùng ven sông, ven biển.

- Cấp độ 1: Mưa lớn với lượng mưa từ 200 mm đến trên 300 mm trong 24 giờ, mưa đã xảy ra trước đó từ 01 đến 02 ngày, trên sườn dốc tập trung tại các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức.

- Cấp độ 2: Mưa rất lớn với lượng mưa trên 300 mm trong 24 giờ, mưa đã xảy ra trước đó trên 02 ngày, trên sườn dốc tập trung tại các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành.

9. Đối với gió mạnh trên biển:

- Cấp độ 1: Khi có gió mạnh từ cấp 6 đến cấp 9, xảy ra trên vùng biển ngoài khơi, ảnh hưởng chủ yếu các tàu, thuyền hoạt động trên biển.

- Cấp độ 2: Khi có gió mạnh từ cấp 6 đến cấp 9, xảy ra trên vùng biển ven bờ

hoặc cấp 9 trở lên xảy ra trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các cảng neo trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm (Cửa Đại, Cù Lao Chàm, Hội An; Hồng Triều, Duy Xuyên; An Hoà, Núi Thành).

- Cấp độ 3: Khi có gió mạnh từ cấp 9 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm (Cửa Đại, Cù Lao Chàm, Hội An; Hồng Triều, Duy Xuyên; An Hoà, Núi Thành).

- Cấp độ 4: Khi có gió mạnh từ cấp 9 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ đồng thời với hoạt động của ATNĐ, bão trên biển Đông hoặc vùng biển ven bờ ảnh hưởng đến các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm (Cửa Đại, Cù Lao Chàm, Hội An; Hồng Triều, Duy Xuyên; An Hoà, Núi Thành).

10. Đối với xâm nhập mặn

- Cấp độ 1: Mặn xâm nhập vào sâu đến 25 km tính từ cửa sông, cửa biển ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ với ranh giới độ mặn trên 4⁰/₀₀.

- Cấp độ 2: Mặn xâm nhập vào sâu đến 50 km tính từ cửa sông, cửa biển ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ với ranh giới độ mặn trên 4⁰/₀₀.

11. Đối với động đất

- Cấp độ 1: Cường độ chấn động từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

- Cấp độ 2: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

- Cấp độ 3: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Cấp độ 4: Cường độ chấn động từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực nông thôn, hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Cấp độ 5: Cường độ chấn động trên cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY ỨNG PHÓ

1. Cấp tỉnh:

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh kịp thời tổ chức kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ các thành viên, ban hành các văn bản chỉ đạo, bao gồm các văn bản sau:

- Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

- Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro cấp tỉnh và các kế hoạch liên quan.

Ngoài ra, đối với các trận bão có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh hoặc các đợt mưa, lũ lớn. UBND tỉnh ban hành cụ thể các Quyết định thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao, trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

2. Cấp huyện, xã

- Thực hiện các thủ tục hành chính tương tự như cấp tỉnh về: Kịch bản tổ chức bộ máy PCTT và TKCN cùng cấp, ban hành phương án PCTT và TKCN của năm trên địa bàn phụ trách, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phương án đã ban hành.

- Trong chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất, phân công các thành viên Ban Chỉ huy PCTT & TKCN đứng điểm trên từng địa bàn để chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng tránh và ứng phó với thiên tai.

- Chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên trực tiếp.

III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VỀ LỰC LƯỢNG

- Bộ máy chỉ đạo, điều hành công tác phòng chống thiên tai được tổ chức khép kín từ tỉnh đến cơ sở. Ngoài bộ máy Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh và Ban chỉ huy PCTT & TKCN các Sở, Ban, ngành, thống kê có khoảng 1.000 cán bộ, nhân viên trực tiếp làm công tác chỉ huy, điều hành, văn phòng giúp việc tại các cấp huyện, xã.

- Lực lượng tham gia ứng phó khi có bão lụt xảy ra trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.342 cán bộ chiến sĩ quân đội, 770 cán bộ chiến sĩ công an, gần 200 cán bộ chiến sĩ Bộ đội biên phòng tỉnh và khoảng 4.764 dân quân tự vệ địa phương cấp xã, phường.

(Thống kê nhân lực phục vụ phòng chống thiên tai có Phụ lục 01 kèm theo)

Ngoài ra, còn có lực lượng vũ trang chính quy của Quân khu V đóng trên địa bàn phục vụ ứng cứu dân khi cần thiết, như Sư đoàn Bộ binh 315 có khả năng hỗ trợ trên 1.000 cán bộ, chiến sĩ; Lữ đoàn Công binh 270 trên 150 cán bộ, chiến sĩ với các khí tài hiện đại (xuồng cứu hộ, xe lội nước, cầu phao...); Trung đoàn tăng thiết giáp 574 với hơn 300 quân, Sư đoàn không quân 372 có khả năng hỗ trợ máy bay trực thăng để cứu nạn cứu hộ và tiếp tế lương thực, thực phẩm cho dân ở vùng bị cô lập do ảnh hưởng của thiên tai...

IV. VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN

Phương tiện thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành cũng như phương tiện ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai xảy ra nhìn chung tuy đã có nhiều cố gắng trang bị nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là các địa phương ở miền núi.

(Thống kê phương tiện cứu hộ theo huyện có Phụ lục 02 kèm theo)

Ngoài ra, nhiều hộ gia đình vùng trũng thấp ở các huyện phía Bắc của tỉnh cũng chủ động tự mua sắm một số ghe thuyền nhỏ phục vụ cho công tác phòng, tránh thiên tai cho gia đình mình. Số liệu này chưa được điều tra thống kê đầy đủ, ước tính khoảng trên 1.000 chiếc.

(Thống kê phương tiện cứu hộ hiện có ở một số ngành có Phụ lục 03 kèm theo)

Phần III

PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI

I. PHÒNG, TRÁNH ATNĐ, BÃO

1. Đối với ATNĐ, bão cấp độ 3

a) Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú ATNĐ, bão.

b) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chỉ đạo các Đai canh TKCN trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực ảnh hưởng của bão, ATNĐ hoặc gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh trú bão.

- Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

c) Các huyện ven biển tỉnh Quảng Nam

Phối hợp với các Đồn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến bão, ATNĐ. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của bão, ATNĐ để chủ động phòng, tránh.

2. Đối với ATNĐ, bão cấp độ 4

Ngoài nội dung được triển khai như ATNĐ, bão cấp độ 3, các địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp sau:

a) Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy tiền phương tại địa bàn có nguy cơ bão đổ bộ.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống bão, ATNĐ.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo Chủ các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện triển khai phương án PCTT đảm bảo an toàn đập và an toàn cho nhân dân vùng hạ du công trình; chú trọng đến các hồ chứa, công trình đê điều xung yếu.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan KTTV, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

- Phối hợp với các địa phương rà soát, thống kê cụ thể số lượng người cần di

dời, sơ tán, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.

- Phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

b) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Triển khai các biện pháp kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền khẩn trương di chuyển tránh, trú bão, ATNĐ; đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tại nơi neo đậu.

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

c) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng thiên tai.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ các đơn vị liên quan ứng phó sự cố công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều.

d) Công an tỉnh

- Bố trí các lực lượng, chỉ đạo Công an các huyện, thành phố tổ chức chốt chặn và hướng dẫn người, phương tiện qua lại tại các khu vực ngầm, tràn. Chủ động cấm người, phương tiện qua lại tại các khu vực bị ngập sâu, nước chảy xiết. Cấm các phương tiện thuyền, đò lưu thông trên sông khi có lũ.

- Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Tham gia ứng cứu sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều khi có yêu cầu từ Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

e) UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

Tổ chức PCTT và TKCN theo phương án đã được lập. Trong đó cần chú ý các nội dung sau:

- Tổ chức sơ tán dân tại những khu vực vùng trũng, thấp, vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng nguy cơ sạt lở đất, núi, bờ sông, bờ biển.

- Thông báo thường xuyên tình hình diễn biến thiên tai đến từng cộng đồng dân cư (kể cả truyền thanh lưu động). Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đảm bảo nhân dân nhận được thông tin về diễn biến thiên tai.

- Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men cần thiết để cứu trợ nhân dân trong vùng.

- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện của địa phương và hỗ trợ nhân dân vùng thiên tai trong việc di dời, sơ tán phòng, tránh thiên tai.

- Chỉ đạo các cơ quan, trường học, trạm y tế tại địa phương tại điều kiện cho nhân dân đến trú, tránh thiên tai.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập thủy lợi, thủy điện; đặc biệt là các công trình xuống cấp, xung yếu, các công trình đang thi công dở dang.

- Tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.
- Tổng hợp tình hình thiệt hại tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

g) Các Sở, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức phòng, chống bão, ATNĐ cho cơ quan, đơn vị mình. Huy động lực lượng, hỗ trợ các địa phương, đơn vị phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Đối với ATNĐ, bão cấp độ 5

a) Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Phối hợp chặt chẽ với Đài KTTV tỉnh theo dõi diễn biến bão.
- Xác định khu vực nguy cơ bão đổ bộ, mực nước dâng do bão làm cơ sở trong việc di dời, sơ tán dân.
- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại địa phương có nguy cơ bão đổ bộ để điều hành trực tiếp công tác phòng, chống bão.
- Tham mưu cho UBND tỉnh huy động tối đa nguồn lực hiện có hoặc đề xuất Trung ương hỗ trợ tỉnh để thực hiện công tác phòng, chống bão mạnh, siêu bão.
- Thực hiện các nội dung công tác khác như ATNĐ, bão cấp độ 3 nêu trên.

b) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các Hội đoàn thể
Triển khai thực hiện các nội dung như với ANTĐ, bão cấp độ 4. Riêng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức bổ sung các nội dung sau:

- Tạo điều kiện cho nhân dân vào trú ẩn tại các hầm công sự.
- Đề nghị các lực lượng quân sự của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân phòng, chống bão.

c) UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, tổ chức nhân dân sơ tán đến các vị trí an toàn. Các vị trí an toàn được khuyến khích bao gồm: Nhà kiên cố, trụ sở, cơ quan, trạm y tế kiên cố, hầm tránh bão,...

- Các khu vực phải tổ chức di dời bao gồm: Các xã ven biển, nhà dân không kiên cố, các khu vực dân cư nằm vùng trũng, thấp, ven sông, suối, hạ du các hồ chứa.

- Thường xuyên cập nhật tình hình di dời, sơ tán dân tại địa phương, báo cáo tỉnh để biết, hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

d) Các Sở, Ban, ngành

- Tổ chức chằng, chống, gia cố trụ sở, triển khai phương án PCTT tại cơ sở.
- Sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức và khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu từ UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

e) Cứu hộ, cứu nạn trên biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (Cơ quan thường trực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển, đảo) tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

- Khi nhận được tin thiên tai, tai nạn, yêu cầu người báo nạn cung cấp thông tin: Thời gian, vị trí (tọa độ hoặc khu vực) xảy ra tai nạn; tên phương tiện; thuyền trưởng; số người trên tàu; lý do bị nạn; hậu quả ban đầu; điều kiện thời tiết sóng, gió ở khu vực bị nạn; tần số, thời gian các phiên liên lạc; số điện thoại, địa chỉ của thuyền trưởng, chủ tàu; đề nghị, yêu cầu của thuyền trưởng.

- Chỉ đạo thông tin TKCN của đơn vị phối hợp với đài thông tin duyên hải Miền Trung, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng giữ liên lạc với tàu bị nạn, đồng thời phát thông báo tàu bị nạn và huy động những tàu thuyền đang hoạt động gần khu vực tham gia cứu nạn.

- Kịp thời báo cáo tình hình tai nạn về Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo.

- Chỉ thị cho các Đoàn Biên phòng sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động cứu hộ, cứu nạn khi có lệnh, đồng thời thông báo cho các lực lượng chức năng (Trung tâm phối hợp Hàng hải khu vực, Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng các tỉnh lân cận) sẵn sàng lực lượng, phương tiện phối hợp tham gia CHCN.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công và điều kiện khả năng cho phép tham mưu Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện từ bờ ra cứu hộ, cứu nạn. Trường hợp không có khả năng hoặc không thuộc phạm vi địa bàn phụ trách kịp thời báo cáo Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị UBND TKCN điều động lực lượng, phương tiện ra cứu hộ, cứu nạn.

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương chuẩn bị mọi mặt thường trực tại bến để tiếp nhận, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân nặng đến cơ sở y tế cấp cứu, điều trị

- Trường hợp chưa tổ chức lực lượng phương tiện cơ động ra hiện trường TKCN, nhưng qua hệ thống thông tin liên lạc phát hiện trên tàu bị nạn có người bị thương, chỉ đạo quân y đơn vị sử dụng máy trực canh TKCN để thăm khám, hướng dẫn những người trên tàu sơ cứu, điều trị ban đầu cho nạn nhân. Qua máy thông tin hướng dẫn thuyền trưởng đưa nạn nhân vào nơi gần nhất, có điều kiện để cấp cứu và thường xuyên giữ liên lạc với trạm canh của Bộ đội biên phòng để xử lý các tình huống.

- Kết thúc vụ việc, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh theo quy định.

h) Vị trí neo đậu, sức chứa của các cảng neo trú tàu, thuyền

Hiện, trên địa bàn tỉnh có 11 khu neo đậu cho các tàu, thuyền tránh trú bão với công suất từ 15CV đến 300CV.

(Chi tiết có Phụ lục 04 kèm theo)

II. PHÒNG TRÁNH LŨ, NGẬP LỤT

1. Đối với lũ, ngập lụt cấp độ 1

a) Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tham mưu ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương tổ chức phòng, tránh lũ.

- Tham mưu cho Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã ban hành.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu cho

Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình và vùng hạ du.

c) Sở Công Thương

- Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình và vùng hạ du.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Các địa phương thuộc lưu vực các sông Vu Gia – Thu Bồn, Tam Kỳ: Rà soát các khu vực dân cư vùng trũng, thấp, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở đất, núi, bờ sông. Tổ chức di dời, sơ tán dân tương ứng cấp độ lũ, lụt.

- Các huyện miền núi: Kiểm tra, rà soát các khu vực dân cư ven sông, suối, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở núi. Tổ chức di dời, sơ tán dân; các vị trí an toàn được xác định chủ yếu là trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế hoặc nhà dân nơi cao ráo, không bị ảnh hưởng của lũ, sạt lở đất.

2. Đối với lũ, ngập lụt cấp độ 2, 3, 4

Từ mức rủi ro thiên tai cấp độ 2, hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng. Trong đó, phải chú ý mức ngập lụt tại các xã, phường, thị trấn vào trận lũ lịch sử năm 2009 để làm căn cứ sơ tán dân.

a) Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tham mưu cho UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành Công điện chỉ đạo phòng, tránh lũ. Trong đó cần chú ý đến các nội dung: sơ tán dân, an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, giao thông trước, trong và sau lũ.

- Cập nhật thường xuyên tình hình sơ tán dân tại các địa phương, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, UBQG TKCN, UBND tỉnh để hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

- Theo dõi tình hình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra việc thực hiện Quy trình vận hành liên hồ đối với hồ thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn.

- Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các Đoàn công tác chỉ đạo phòng, chống và khắc phục lũ tại các địa phương.

- Phối hợp cùng các Hội, Đoàn thể tỉnh trong việc cung cấp tình hình thiệt hại do lũ gây ra làm cơ sở cho công tác kêu gọi cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống

lũ cho công trình, vùng hạ du công trình và các tình huống sự cố khẩn cấp.

c) Sở Công Thương

- Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình, vùng hạ du công trình và các tình huống sự cố khẩn cấp.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường: Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

e) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh: Huy động tối đa lực lượng, phương tiện của đơn vị hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân phòng, chống lũ.

g) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Nam, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật thông tin, diễn biến mưa, lũ cung cấp thường xuyên cho nhân dân được biết, chủ động phòng, tránh.

h) Sở Thông tin và Truyền thông: Đảm bảo thông tin liên lạc, nhất là thông tin chỉ đạo ứng phó mưa, lũ. Tuyệt đối không để mất liên lạc trong bất cứ tình huống nào.

i) Các Sở, ngành, Hội đoàn thể tỉnh: Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia cùng chính quyền và nhân dân các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, ngập lụt.

k) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức di dời, sơ tán hết nhân dân tại nơi ngập sâu (kể cả nhân dân vùng hạ du các hồ chứa thủy lợi, thủy điện), khu dân cư có nguy cơ bị sạt lở núi.

- Kiểm tra, kiểm soát giao thông trên các tuyến đường trong và sau lũ.

- Cứu trợ nhân dân vùng thiên tai.

- Thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai và thiệt hại ban đầu tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Chỉ đạo các Đài truyền thanh (Phát thanh và phát lại truyền hình) tiếp nhận các thông tin từ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh hoặc cập nhật thông tin từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN địa phương thường xuyên thông báo cho nhân dân được biết. Tuyệt đối không để nhân dân không tiếp cận được thông tin diễn biến lũ, lụt.

- Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với các chủ công trình, hồ đập ứng cứu sự cố công trình khi có đề nghị.

- Tổ chức khắc phục thiệt hại sau lũ tại các khu vực bị thiệt hại. Báo cáo đề xuất hỗ trợ trong các tình huống vượt khả năng của địa phương.

III. PHÒNG TRÁNH DÔNG, LỐC, SÉT

Đối với dông, lốc, sét xảy ra cấp độ 1, 2, UBND, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp chủ động tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Công tác tổ chức phòng, tránh và ứng phó

a) Trên đất liền

- Thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng dông, lốc, sét. Ở các vùng ven biển, cửa sông, ven sông nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có dông gió, lốc, sét;

- Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, panô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các dàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

- Khi có mưa kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ để bị ngã đổ gây tai nạn.

- Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

b) Trên sông, biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Chi cục Thủy sản thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển đảm bảo các yêu cầu sau:

- Toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên thuyền khi đang ở trên sông, trên biển;

- Khi thấy mây dông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

- Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, nhóm, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

2. Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra dông gió, lốc, sét, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

- Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ cho người và tài sản;

- Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông gió, lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất.

- Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

- Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc;

- Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho nhân dân.

3. Công tác báo cáo, thống kê thiệt hại

UBND, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN cấp huyện, xã tổ chức đến hiện trường khi trên địa bàn xảy ra dông gió, lốc, sét gây ra; thống kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

IV. PHÒNG, TRÁNH SẠT LỖ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO DÒNG CHẢY HOẶC MƯA LỚN

1. UBND, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo lập Quy hoạch phân vùng có nguy cơ sạt lở đất;
- Chỉ đạo, kiểm tra rà soát hiện trạng các vùng dân cư, ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi, ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo, biển báo đối với vùng có nguy cơ bị sạt lở đất;
- Tăng cường cán bộ trực tiếp đến hiện trường các điểm xảy ra sự cố để xử lý, khắc phục hậu quả;
- Báo cáo kịp thời các sự cố sạt lở đất đến UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh để chỉ đạo;
- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

2. UBND, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các xã, phường, thị trấn

- Triển khai thực hiện các Văn bản chỉ đạo của UBND, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thị xã, thành phố về phòng, tránh sạt lở đất;
- Thông báo cho nhân dân biết để không làm nhà ở các vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất như: đồi dốc, chân vách đá, bờ bãi thấp ven sông suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở...
- Tuyên truyền công tác giáo dục cộng đồng về phòng, tránh sạt lở đất; cấm biển báo và đánh dấu các khu vực nguy hiểm;
- Báo cáo ngay với cấp trên khi xảy ra sự cố sạt lở đất.

V. PHÒNG, TRÁNH GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN

a) Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương ven biển tổ chức phòng, tránh gió mạnh trên biển.
- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo.
- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú gió mạnh trên biển.

b) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chỉ đạo các Đồn Biên phòng trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực có gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh gió.
- Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

c) Các huyện ven biển tỉnh Quảng Nam

- Phối hợp với các Đoàn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến của gió mạnh trên biển. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của gió mạnh để chủ động phòng, tránh.

- Phối hợp với các Đoàn Biên phòng tổ chức, hướng dẫn neo đậu tàu thuyền an toàn để tránh gió mạnh.

VI. PHÒNG, TRÁNH XÂM NHẬP MẶN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực, thường xuyên theo dõi, giám sát, chỉ đạo các địa phương, đơn vị về công tác chống xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì làm việc với các Nhà máy thủy điện trên thượng nguồn lập kế hoạch và thống nhất chế độ điều tiết xả nước qua phát điện hợp lý nhằm bổ sung dòng chảy kiệt trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn;

- Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra hồ sơ chống xâm nhập mặn của các địa phương, đơn vị trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp hỗ trợ kinh phí;

- Tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án phòng, chống xâm nhập mặn trên bàn toàn tỉnh;

- Đôn đốc các Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng kinh tế) các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam lập phương án và biện pháp phòng, tránh xâm nhập mặn;

- Phê duyệt phương án phòng chống xâm nhập mặn do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam lập;

- Thống kê, tổng hợp, báo cáo đề xuất kinh phí hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị để phòng, chống xâm nhập mặn.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các địa phương, đơn vị theo phương án phòng, chống hạn, nhiễm mặn được UBND tỉnh phê duyệt hằng năm.

3. Đối với UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Biện pháp chung

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo UBND các xã, HTX và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn triển khai thực hiện kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả các biện pháp công trình phòng, chống nhiễm mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức xây dựng phương án phòng, chống xâm nhập mặn cụ thể trên địa bàn.

- Chỉ đạo các bộ phận có liên quan kiểm tra, thẩm tra hồ sơ quyết toán kinh phí chống xâm nhập mặn hằng năm.

- Đối với những trạm bơm có nguồn nước bị nhiễm mặn, tăng cường theo dõi chặt chẽ lịch thủy triều, quan trắc thường xuyên độ mặn để bơm lách triều, tuyệt đối không được vận hành bơm nước có nồng độ mặn lớn hơn 0,8‰ vào đồng ruộng.

- Báo cáo tình hình phòng, chống nhiễm mặn cho Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT biết để chỉ đạo.

b) Biện pháp cụ thể đối với từng địa phương

* *Thành phố Tam Kỳ*: Đối với các khu tưới sử dụng nguồn nước từ sông Bàn Thạch, chủ động quan trắc độ mặn để thực hiện bơm lách triều. Nếu nồng độ mặn vượt quá nồng độ cho phép thì dừng bơm và chuyển sang tận dụng nguồn nước khác để tưới; thực hiện đắp đập tạm ngăn mặn tại cửa vào sông Đầm để ngăn nước mặn xâm nhập vào Sông Đầm, đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ cho khu tưới của xã Tam Thăng, xã Tam Phú, phường An Phú.

* *Thành phố Hội An*:

- Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống công ngăn mặn, điều tiết nước phường Cẩm Châu, xã Cẩm Thanh;

- Sửa chữa, gia cố công ngăn mặn, công điều tiết, công tiêu để giữ ngọt và điều tiết nước.

- Nạo vét các ao trữ nước và đắp đập bồi ngăn mặn của xã Cẩm Kim.

* *Huyện Núi Thành*: Tu sửa các công trình thủy lợi bị hư hỏng, rò rỉ nước, các công dưới đê ngăn mặn

* *Huyện Thăng Bình*: Nạo vét kênh mương, sửa chữa các đê và para ngăn mặn.

* *Huyện Duy Xuyên*: Nạo vét kênh tiêu sông đào để đưa nguồn nước hỗ trợ từ trạm bơm Xuyên Đông về trạm bơm Cầu Thần bơm hỗ trợ nguồn nước cho kênh chính trạm bơm 19/5; đắp đập tạm ngăn mặn, giữ ngọt tại bể hút trạm bơm 19/5.

* *Thị xã Điện Bàn*

- Vận hành tăng cường các trạm bơm điện, theo dõi lịch triều vận hành bơm nước, đo độ mặn dưới 0,8 ‰;

- Đắp đập thời vụ ngăn mặn, giữ ngọt trên sông Vĩnh Điện.

3. Đối với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam

- Xây dựng công trình chống nhiễm mặn trạm bơm Xuyên Đông, huyện Duy Xuyên, gồm: Đập chính, đập phụ và công lấy nước;

- Đối với các trạm bơm điện có nguồn nước bị nhiễm mặn, tổ chức đo mặn tại các bể hút hằng ngày, theo dõi chặt chẽ diễn biến triều để bơm lách triều, tận dụng nguồn nước ngọt chống hạn, áp dụng các biện pháp tưới luân phiên, tưới lứ ở tất cả các loại công trình nhằm hạn chế tối đa việc thất thoát nước;

- Hằng năm tổ chức xây dựng phương án phòng, chống xâm nhập mặn trình Sở NN & PTNT phê duyệt;

- Thông kê, tổng hợp, báo cáo kết quả tình hình triển khai chống nhiễm mặn trên các khu tưới cho UBND tỉnh, Sở NN & PTNT, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh.

VII. PHÒNG, TRÁNH ĐỘNG ĐẤT

Động đất là loại hình thiên tai mà hầu như đến nay chưa thể dự báo trước được. Vì vậy, để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do động đất gây ra, công tác chuẩn bị trước khi xảy ra động đất là hết sức quan trọng.

1. Đối với UBND huyện và các cơ quan chức năng ở địa phương

- Khảo sát, xác định và chuẩn bị các khu vực sơ tán an toàn cho nhân dân.

- Chủ động xây dựng kế hoạch cho sơ tán dân của từng thôn, bản, tổ dân phố và sẵn sàng triển khai thực hiện khi có động đất.

- Dự trữ lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, thuốc y tế đảm bảo cho công tác cứu trợ nhân dân trong khu vực bị động đất.

- Có kế hoạch chuẩn bị lực lượng tại chỗ (Đội xung kích PCLB và TKCN) để

hỗ trợ kịp thời nhân dân bị thương vong, mất tích trong vùng bị động đất. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng với các lực lượng vũ trang để hỗ trợ trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi động đất có cường độ lớn, xảy ra trên phạm vi rộng.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cho nhân dân các kỹ năng phòng, tránh động đất.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Sẵn sàng điều động các lực lượng vũ trang trên địa bàn bao gồm cán bộ, chiến sĩ; lực lượng dân quân tự vệ và phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng, khẩn trương tổ chức ứng cứu nhân dân vùng bị động đất.

3. Công an tỉnh: Huy động cán bộ, chiến sĩ phối hợp với UBND địa phương thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ và làm công tác đảm bảo an ninh trật tự xã hội trên địa bàn bị động đất; ngăn chặn kịp thời kẻ xấu lợi dụng thiên tai để lấy cắp tài sản của nhân dân và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn bị động đất.

4. Sở Nông nghiệp & PTNT: Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo công tác sơ tán dân vùng bị động đất đến nơi an toàn.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan chủ trì, phối hợp với UBND địa phương và các đoàn thể khẩn trương tổ chức thực hiện cứu trợ cho nhân dân ở khu vực bị ảnh hưởng của động đất; thăm viếng, động viên và giải quyết chính sách kịp thời cho những người bị chết, bị thương; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ lương thực, thực phẩm (gạo, mì tôm, nhu yếu phẩm khác) cho người dân vùng bị ảnh hưởng động đất.

6. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp cứu và đảm bảo các dụng cụ y tế, thuốc, dược phẩm thực hiện công tác sơ cứu tại chỗ người bị nạn và chăm sóc sức khỏe người dân vùng bị ảnh hưởng động đất. Đồng thời, có kế hoạch ưu tiên bố trí xe cấp cứu vận chuyển người bị thương về Bệnh viện huyện để cấp cứu những người bị thương nặng được chuyển đến.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý môi trường khu vực bị động đất.

8. Sở Giao thông vận tải: Chỉ đạo khẩn trương xử lý khẩn cấp các tuyến đường bị sạt lở, cầu cống bị hư trong thời gian sớm nhất để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và đi lại của nhân dân.

9. Công ty Điện lực Quảng Nam: Tổ chức khắc phục sự cố về điện phục vụ cho nhân dân vùng động đất.

10. Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện, lực lượng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả của động đất ở các địa phương.

VIII. PHÒNG, TRÁNH HẠN HẠN

Hàng năm, Sở Nông nghiệp & PTNT theo dõi, tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án phòng, chống hạn trên địa bàn toàn tỉnh.

IX. Đối với các loại thiên tai khác

Đối với các loại hình thiên tai này, chủ yếu cần tập trung trong công tác phòng ngừa tác động và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Phần IV

PHƯƠNG ÁN DI DỜI, SƠ TÁN DÂN PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI

I. ĐỐI VỚI BÃO, ATNĐ

(Chi tiết có Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)

II. ĐỐI VỚI LŨ, LỤT

(Chi tiết có Phụ lục 05 kèm theo)

III. ĐỐI VỚI SẠT LỞ ĐẤT:

(Chi tiết có Phụ lục 06 kèm theo)

IV. ĐỐI VỚI ĐỘNG ĐẤT

1. Dự kiến khu vực xảy ra động đất, gây thiệt hại

Như đã phân tích ở trên, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng của động đất từ cấp 7 trở lên (tương đương 5,5 độ Richter) tập trung ở 07 xã: Trà Giác, Trà Đốc, Trà Bui, Trà Tân, Trà Giang, Trà Sơn và thị trấn Trà My; trong đó tâm chấn chủ yếu ở khu vực hồ thủy điện Sông Tranh 2 thuộc địa bàn xã Trà Đốc, Trà Tân, Trà Bui. Vì vậy Kế hoạch ứng phó động đất và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu cho 07 địa phương nêu trên.

2. Khu vực nhân dân bị ảnh hưởng động đất

- Tổng số dân trong vùng bị ảnh hưởng của động đất là 38.397 người, tổng số hộ ước tính khoảng 5.915 hộ.

- Dự kiến nếu xuất hiện động đất từ 5,5 độ Richter trở lên, sẽ gây thiệt hại về người và vật chất cho 07 địa phương nêu trên như sau:

+ Có khoảng 3.000 - 4.000 nhà dân bị ngã đổ, tập trung ở các nhà xây đúc cấp 4, khả năng kháng chấn kém (những nhà được xây dựng bằng vật liệu tre, gỗ ít bị ảnh hưởng hơn).

+ Trên 200 trụ sở cơ quan, trường học trạm xá, ... bị hư hỏng, nứt nẻ.

+ Nhiều cầu, cống dọc theo các tuyến ĐH chưa được xây dựng kiên cố bị hư hỏng, sập đổ, gây ách tắc giao thông.

+ Dự kiến số người bị thương, mất tích và chết có khả năng lên đến 4.000 người, tập trung ở các khu vực đông dân cư (nếu động đất có cường độ lớn trên 7 độ richter); trong đó: xã Trà Đốc khoảng 600 người, xã Trà Tân khoảng 700 người, xã Trà Bui khoảng 400 người, xã Trà Sơn khoảng 500 người, xã Trà Giang khoảng 500 người, xã Trà Giác khoảng 100 người, thị trấn Trà My khoảng 1.200 người. Các địa phương ở gần tâm chấn đất có nhiều nhà xây đúc cấp 4, khả năng kháng chấn kém, như Trà Đốc, Trà Tân, Trà Bui sẽ có mức thiệt hại cao hơn các địa phương khác.

+ Thực hiện sơ tán khoảng 25.000 người.

3. Khu vực sơ tán nhân dân khi động đất xảy ra tại các xã, thị trấn:

a) Trà Đốc: Thôn 1: 539 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 166 (99954 – Đồi Suối Khẩu).

b) Trà Tân: (04 thôn)

- Thôn 2: 265 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 217 (94968 - Đồi Ông Xây).

- Thôn 4: 501 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 189 (96953 – Đồi Ông Xuôi).

- Thôn 5: 230 nhân khẩu, sơ tán đến Đông Bắc điểm cao 384 (94957 – Đồi Ông Hòa).
- Thôn 6: 201 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 170 (94963 – Đồi Ông Đức)
- c) Trà Sơn: (04 thôn)
 - Mậu Long: 620 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 175 (97972 – Đồi Yên Ngựa).
 - Tân Hiệp: 957 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 177 (94983 - Đồi Thủy điện).
 - Lâm Bình Phương: 677 nhân khẩu, sơ tán đến Đông Bắc điểm cao 258 (94002 – Đồi Thơm).
 - Dương Hòa: 848 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 205 (96008 – Đồi Thông).
- d) Thị Trấn: (06 tổ)
 - Trấn Dương: 653 nhân khẩu, sơ tán đến Bắc bình độ 200 (98993 – Đồi Dương Đòn).
 - Đồng Trường: 1443 nhân khẩu, sơ tán đến Đông điểm cao 288 (98001- Đồi Dương Đòn).
 - Trung Thị, Đồng Bầu: 1931 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 162 (98015 – Đồi Thông).
 - Đàng Nước, Đồng Bộ: 1916 nhân khẩu, sơ tán đến Nam điểm cao 266 (99017 – Núi Chim).
 - Minh Đông: 508 nhân khẩu, sơ tán đến Tây Nam điểm cao 205 (98039 – Đồi Cu Đê).
 - Mậu Cà: 776 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 207 (00024 – Núi Chim).
- e) Trà Giang
 - Thôn 1: 747 nhân khẩu, sơ tán đến điểm cao 148 (97031 - Nà Cốc);
 - Thôn 4: 406 nhân khẩu, sơ tán đến Đông bắc điểm cao 258 (95012 - Tây núi Ổ Ổ).
 - Thôn 6: 356 nhân khẩu, sơ tán đến Đông Bắc điểm cao 166 (95035)
- g) Trường PTTN Nước Oa: 429 CBCNV, học sinh sơ tán đến điểm cao 202 (Đồi Ông Oa).

Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các địa phương, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật phòng, chống thiên tai và Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai. Trong đó:

1. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Hàng năm, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, đơn vị rà soát, hoàn chỉnh lại phương án di dời, sơ tán dân cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Quảng Nam theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh,

UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan trình UBND tỉnh xem xét, quyết định chi từ nguồn thu quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy lợi khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và ở nơi trú tránh khi có thiên tai trên biển xảy ra.

3. Sở Công Thương

Theo dõi, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn tại Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 07/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổ chức công tác cứu hộ, cứu nạn các phương tiện, tàu thuyền và ngư dân bị gặp nạn trên biển và hải đảo.

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN hằng năm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Trung ương Phòng chống thiên tai bổ sung trang thiết bị cần thiết cho tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền.

7. Công an tỉnh

Huy động lực lượng của đơn vị hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

8. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

- Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra, xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương; trong đó phải cập nhật, hoàn thiện phương án

di dời, sơ tán dân phù hợp với từng cấp độ rủi ro thiên tai và điều kiện dân sinh và cơ sở hạ tầng của địa phương.

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

- Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách của địa phương để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các xã, phường, thị trấn xây dựng Phương án di dời, sơ tán đối với từng cấp độ và từng loại hình thiên tai.

9. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách tỉnh cho các địa phương, đơn vị thực hiện việc phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai (ngoài các khoản kinh phí chi từ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh).

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh hàng năm cho các cơ quan, đơn vị thường trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nhu cầu vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh từ nguồn Trung ương hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết hỗ trợ các địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

12. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, Ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai; tổ chức phát động phong trào ủng hộ nhân dân khắc phục hậu quả của thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dinh Văn Thu

Phụ lục 01

Thống kê nhân lực phục vụ phòng chống thiên tai
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	Tên Địa phương, Đơn vị	Ban chỉ huy chống lụt bão các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia ứng cứu khi có bão lũ lớn xảy ra.			
				Quân sự	Biên phòng	Công an	Dân quân
01	Núi Thành	260	72	200	20	45	291
02	Thăng Bình	328	84	126		39	550
03	Duy Xuyên	365	74	54		26	182
04	Điện Bàn	345	96	60		60	729
05	Nam Giang	199	24	138	27	36	59
06	Phú Ninh	246	92	88		35	250
07	Hội An	281	93	61	30	53	130
08	Quế Sơn	298	84	50		47	140
09	Nông Sơn	149	55	45		30	80
10	Tiên Phước	180	60	90		35	300
11	Đại Lộc	360	90	90		80	450
12	Nam Trà My	110	22	20	10	15	300
13	Tây Giang	118	7	30	20	20	110
14	Đông Giang	191	46	63		44	384
15	Phước Sơn	160	32	12		25	84
16	Bắc Trà My	150	30	20		35	170
17	Hiệp Đức	120	20	40		45	160
18	Tam Kỳ	170	40	155	80 (kể cả tại Bộ chỉ huy)	100	395
	Tổng	4.030	1.021	1.342	197	770	4.764

Phụ lục 02
Thông kê phương tiện cứu hộ theo huyện
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	Huyện, thành phố	Tàu thuyền, xuồng cứu hộ do thôn, xã quản lý (chiếc)	Áo phao cứu sinh (cái)	Thiết bị thông tin liên lạc	
				Điện thoại cố định (máy)	Thiết bị vô tuyến (bộ)
1	Điện Bàn	20	428	60	40
2	Thăng Bình	3	151	94	22
3	Duy Xuyên	33	275	14	4
4	Nam Giang	3	300		
5	Hội An	1	194	14	14
6	Quế Sơn	2	110	14	
7	Nông Sơn	1	420	7	
8	Phú Ninh	5	500	16	13
9	Núi Thành	4	809	21	3
10	Bắc Trà My	2	76		
11	Nam Trà My	1	50		1
12	Phước Sơn		150		8
13	Tây Giang		25	2	1
14	Đại Lộc	18	100	25	
15	Tiên Phước	19	118	15	
16	Đông Giang		264	15	1
17	Tam Kỳ	56	995	14	1
18	Hiệp Đức				
	Tổng	168	4.965	311	108

Phụ lục 03

Thống kê phương tiện cứu hộ hiện có ở một số ngành
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	Đơn vị	Tàu, thuyền cứu hộ (chiếc)	Áo phao cứu sinh (áo)	Thiết bị thông tin liên lạc	
				Điện thoại cố định	Thiết bị vô tuyến
1	Chi cục Thủy sản		15	1	2
2	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam	18	560	7	7
3	Sở Giao thông Vận tải Quảng Nam	4	100	10	
4	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam	30	1.782	29	18
	Tổng	52	2.457	47	27

Phụ lục 04

Các khu neo đậu tàu thuyền trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	Tên địa điểm	Số lượng, qui mô tàu thuyền thường tập kết
01	Ấu thuyền Cù Lao Chàm	Có thể neo đậu khoảng 200 phương tiện có công suất dưới 30CV
02	Thôn Vạn Lãng, Thôn Võng Nhi, Thanh Tam Tây, Thanh Tam Đông xã Cẩm Thanh	Có thể neo đậu 300 phương tiện có công suất đến 500CV
03	Vịnh Châu	Có thể neo đậu 200 phương tiện có công suất đến 500CV
04	Ấu thuyền Hồng Triều xã Duy Nghĩa.	Có thể neo đậu khoảng 600 đến 900 phương tiện có công suất từ 20CV đến 350CV
05	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa Đại phường Cẩm Nam.	Có thể neo đậu 180 phương tiện có công suất dưới 300CV
06	Thôn An Lương 2 - Duy Hải, Thôn Trà Đông - Duy Vinh, Thôn Phước Trạch - Cửa Đại, An Hội - Minh An, Khôi An Tân, An Bằng - Cẩm An, Thôn Thanh Nam - Cẩm Châu, Thôn Hà Thanh - Cẩm Nam, Thôn Đông Hà- Cẩm Kim.	Các địa điểm này có thể neo đậu khoảng 150 đến 200 phương tiện có công suất dưới 90CV
07	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá An Hòa (Thôn 1 Tam Quang, Núi Thành)	Có thể neo đậu khoảng 240 đến 320 phương tiện có công suất từ 20CV đến dưới 90CV và 150 phương tiện có công suất trên 90cv có chiều dài lớn nhất 22- 27m
08	Thôn 2 - Tam Hải Cảng cá Tam Giang	Có thể neo đậu khoảng 200 đến 300 phương tiện có công suất từ 45CV đến 300CV
09	Thôn 1, Thôn 7 (Tam Tiến) Thôn 5, Thôn 7 (Tam Hòa)	Có thể neo đậu khoảng 300 phương tiện có công suất từ 15CV đến 90CV
10	Thôn Tân An, Hà Bình (B. Minh), Thôn 6 (B.Đương), Thôn Đông Tri (Bình Hải), Thôn Vịnh Giang, Phương Tân (Xã Bình Nam)	Tháo máy, kéo phương tiện lên bờ đối với các phương tiện có công suất từ 15CV trở xuống.
11	Thôn Tân Phú (Tam Phú)	Có thể neo đậu khoảng 50 phương tiện có công suất từ 15CV đến 90CV



Phụ lục 05

THỐNG KÊ KHU DÂN CƯ BỊ NGẬP DO MƯA, LŨ GÂY RA

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	Địa điểm		Số dân cư bị ngập theo cấp báo động			
	Huyện	Xã	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4
Lưu vực sông Thu Bồn	Duy Xuyên	Duy Thu	1.500	2.000	2.500	2.500
		Duy Hoà	1.000	2.000	3.000	3.000
		Duy Tân	500	500	1.000	1.000
		Duy Trinh	1.000	1.000	8.000	8.000
		Duy Sơn	500	1.000	2.000	2.000
		Duy Trung	1.000	1.500	3.000	3.000
		Duy Phước	500	800	12.600	12.600
		Duy Vinh	2.000	2.000	4.600	4.600
		Duy Thành	500	3.000	6.700	6.700
		Duy Nghĩa	500	1.500	2.000	2.000
		TT Nam Phước	1.000	15.500	22.500	22.500
		Duy Châu	4.000	4.500	5.000	5.000
		Tổng cộng:	14.000	35.300	72.900	72.900
	Hội An	Sơn Phong	312	1.824	2.124	2.124
		Cẩm Kim	2.777	4.016	3.975	3.975
		Cẩm Nam	5.972	6.544	6.544	6.544
		Minh An	3.533	5.507	6.629	6.629
		Thanh Hà	5.177	6.839	7.039	7.039
		Cửa Đại	2.440	2.444	2.444	2.444
		Cẩm An	1.168	1.184	1.184	1.184
		Cẩm Châu	5.296	6.112	6.148	6.148
		Cẩm Thanh	6.844	7.028	7.048	7.048
		Cẩm Phô	1.968	6.032	6.292	6.292
		Tân An	852	1.136	1.184	1.184
		Cẩm Hà	2.156	2.276	2.332	2.332
		Tổng cộng:	38.495	50.942	52.943	52.943
	Điện Minh	Điện Minh	6.084	11.082	11.082	11.082
		TT Vĩnh Điện	1.225	8.104	8.104	8.104
		Điện An	987	8.785	15.529	15.529
		Điện Phước	1.180	6.220	10.530	10.530
		Điện Thọ	4.438	9.362	12.597	12.597
		Điện Hồng	245	837	12.640	12.640
		Điện Tiến	1.947	4.747	7.369	7.369
Điện Hoà			1.189	9.761	9.761	

TT	Địa điểm		Số dân cư bị ngập theo cấp báo động				
	Huyện	Xã	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4	
	Điện Bàn	Điện Thắng Nam	140	2.523	6.062	6.062	
		Điện Thắng Trung	855	5.376	7.444	7.444	
		Điện Thắng Bắc	2.229	2.792	6.463	6.463	
		Điện Ngọc	215	2.417	7.936	7.936	
		Điện Dương	145	415	3.079	3.079	
		Điện Nam Bắc		2.573	6.179	6.179	
		Điện Nam Trung		1.785	3.912	3.912	
		Điện Nam Đông	379	1.524	4.268	4.268	
		Điện Phương	6.275	11.929	15.038	15.038	
		Điện Phong	4.084	9.917	9.917	9.917	
		Điện Trung	2.812	6.072	6.588	6.588	
		Điện Quang	137	8.684	8.684	8.684	
		Tổng cộng:		33.377	106.333	173.182	173.182
		Lưu vực sông Vu Gia	Đại Lộc	Đại Sơn	1.565	1.700	2.009
Đại Hưng	7.587			7.800	8.786	8.786	
Đại Hồng	2.040			4.069	6.141	6.141	
Đại Lãnh	4.036			6.250	7.300	7.300	
Đại Đồng	3.913			6.375	12.152	12.152	
Đại Quang	4.835			5.921	10.840	10.840	
Đại Phong	744			1.592	3.000	3.000	
Đại Minh	3.215			5.500	8.121	8.121	
Đại Cường	6.320			8.000	8.553	8.553	
Đại Nghĩa	5.870			9.510	9.800	9.800	
Đại Tân	2.154			2.386	2.881	2.881	
Đại An	5.500			6.781	6.781	6.781	
TT Ái Nghĩa	5.230			8.650	12.000	12.000	
Đại Hiệp	231			895	1.300	1.300	
Đại Thạnh	3.000			3.120	3.723	3.723	
Đại Chánh					271	271	
Đại Thắng	5.037			5.140	5.630	5.630	
Đại Hoà	6.880			7.371	7.371	7.371	
Tổng cộng:				68.157	91.060	116.659	116.659
	Phước Sơn	Phước Hòa	67	67	67	115	
		Phước Hiệp	83	83	83	268	
		Phước Đức	80	80	80	120	
		Phước Năng	31	31	31	67	
		Phước Kim				123	

TT	Địa điểm		Số dân cư bị ngập theo cấp báo động			
	Huyện	Xã	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4
		Tổng cộng:	261	261	261	693
Lưu vực sông Tam Kỳ	Tam Kỳ	Tam Phú	1.200	1.200	1.200	1.200
		P. An Sơn	1.042	1.042	1.042	1.042
		P. Hoà Hương	3.021	4.561	6.147	6.147
		Tam Thăng	1.241	2.679	3.928	3.928
		P. Phước Hoà	450	841	223	223
		P. An Phú	554	554	554	554
		P. Tân Thạnh	1.152	423	500	500
		Tổng cộng:	8.660	11.300	13.594	13.594
Tổng cộng:		162.950	295.196	429.539	429.971	



Phụ lục 6

SƠ TÁN NHÂN DÂN KHU VỰC CÓ NGUY CƠ SẠT LỖ ĐẤT
(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ rủi ro)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC PHẢI SƠ TÁN	Số dân sơ tán (người)	KHU VỰC BÓ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
I	TÂY GIANG	(Sạt lở núi)	131	
1	Xã A Vương	Thôn A Réc	32	Trạm xá xã
2	Xã Bha Lêê	Thôn Tà Cang Thôn Tà Làng	44 33	UBND xã
3	Xã Tr'hy	Thôn Dăm 1	22	
II	HIỆP ĐỨC	(Sạt lở núi)	393	
1	TT Tân An	Thôn 3 Thôn 2	70 63	Viện KSND huyện UBND huyện
2	Xã Thăng Phước	Thôn 4 Thôn 5	115 56	Đèo Đá Đen Điểm cao 136
3	Xã Quế Thọ	Thôn Bắc An Sơn	89	Trường Kim Đồng
III	THĂNG BÌNH		524	
1	Bình Dương	Thôn 3 Thôn 1	200	UBND Xã
2	Bình Phú	Đập Phước Hà/ thôn Phước Hà	100	Gò Đá Trắng
3	Bình Lãnh	Đập Cao Ngạn/ Thôn 5	98	Núi Chóp Chài
4	Bình Nam	Bến Lồ/Bình Nam	126	Điểm cao 21
IV	BẮC TRÀ MY	(Sạt lở núi)	37	
1	TT Trà My	Tổ Trần Dương	37	Trường dân tộc nội trú huyện
V	TIỀN PHƯỚC		418	
1	Xã Tiên Lãnh	Thôn 1, 4, 11	275	Khu tái định cư thôn Đồng Lầy
2	Xã Tiên Cảnh	Rẫy Tranh Lớn thôn 1	143	Khu tái định cư Dốc Mít
VI	PHƯỚC SƠN	(Sạt lở núi)	942	
1	Thị trấn Khâm Đức	Chân đồi E	132	Trường PTTH Khâm Đức
2	Xã Phước Thành	Thôn 1A Thôn 3	424 129	Trường PTCS xã Phước Thành Trường PTCS xã Phước Thành
3	Xã Phước Lộc	Thôn 5A	114	Trường PTCS xã Phước Thành
4	Xã Phước Đức	Thôn 1	51	Trụ sở UBND xã Phước Đức
5	Xã Phước Mỹ	Nhóm dân cư khu 1 Long Viên	92	
VII	NAM TRÀ MY	(Sạt lở núi)	25	
1	Xã Trà Nam	Nóc Tắc Vinh 3, thôn 2	25	Nóc Tắc Vinh 3, thôn 2
VIII	ĐÔNG GIANG	(Sạt lở núi)	21	
1	TT Prao	Thôn ngã ba	5	UBND TT Prao
2	Xã Tư	Thôn Vầu Thôn Láy	3 2	UBND xã
3	Xã Jơ Ngây	Thôn Cờ Lò	4	
4	Sông Kôn	Thôn Bút Nga	7	
IX	PHÚ NINH	(Sạt lở núi)	180	
1	Xã Tam Lãnh	Khu vực đèo ông Tuấn (thôn 9)	60	UBND xã
2	Xã Tam Đại	Khu vực chân núi Lân và chân núi Chóp Chài	120	Trường THCS Thái Phiên
X	NÚI THÀNH	(Sạt lở núi)	285	
1	Xã Tam Trà	Thôn 7	90	UBND xã
2	Xã Tam Thanh	Thôn Trung Tín	105	Thôn 1
3	Xã Tam Sơn	Thôn Phú Hòa	90	UBND xã
XI	QUẾ SƠN		86	
1	Quế Trung	Thôn Trung An	42	Sơ tán cục bộ
2	Quế Lâm	Thôn 4	44	//
TỔNG CỘNG:			3005	

TỈNH QUẢNG

TỔNG CỤC THUỶ LỢI PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

Loại: A B (C)

Ý KIẾN GIẢI QUYẾT

07/4 16/c Cục PCT 20



Thời hạn báo cáo Tổng cục trước